

CÔNG TY CP CN-TM HỮU NGHỊ

Số: 6.A./BC-HN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 05 năm 2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP – THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ
Năm 2021

I. Thông tin chung:

1. *Thông tin khái quát*

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP-THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300743380
- Vốn điều lệ: 39.437.100.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 39.437.100.000 đồng
- Địa chỉ: 357 Lê Hồng Phong, Phường 02, Quận 10, TP.HCM
- Số điện thoại: 028 38308899
- Số fax: 028 38301802
- Website: www.ftic.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): FTI

Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị tiền thân là Liên Hiệp Xí nghiệp Mô tô Xe đạp được thành lập theo Quyết định số 51/QĐ-UB ngày 26/03/1985 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh xe đạp và phụ tùng xe gắn máy.

- Ngày 23/9/1994, Liên hiệp xí nghiệp Mô tô Xe đạp chuyển thành Doanh nghiệp nhà nước Công ty Xe và Máy Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 2825/QĐ-UB-KT ngày 29/03/1994 của UBND TP.HCM.

- Ngày 03/6/2003, Công ty Xe và Máy Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 2078/QĐ-UB ngày 03/06/2003 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt đề án cổ phần hóa Công ty Xe và Máy Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngày 06/01/2005, Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần Công nghiệp - Thương mại Hữu Nghị theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 06/01/2005 với Vốn điều lệ là 16.500.000.000 đồng, trong đó, tỷ lệ vốn cổ phần nhà nước nắm giữ là 87,26% và tỷ lệ vốn cổ phần bán cho Cán bộ Công nhân viên trong Công ty là 12,74%.

- Ngày 07/8/2017, Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5412/UBCK-GSĐC của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

- Ngày 16/8/2017, Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán – mã FTI, theo Công văn số 158/2017/GCNCP-VSD.

- Ngày 27/10/2017, ngày đầu tiên cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị chính thức giao dịch trên sàn Upcom.



2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

Sản xuất linh kiện và kinh doanh xe đạp hoàn chỉnh; Hợp tác xây dựng dự án thương mại, dịch vụ; Sản xuất và kinh doanh sản phẩm cơ khí; Hợp tác với đối tác trong lĩnh vực trường học, nhà kho.

- Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

+ 357 Lê Hồng Phong, Phường 02, Quận 10, TPHCM (trụ sở chính).

+ 279 Nơ Trang Long, Phường 13, quận Bình Thạnh, TPHCM.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty áp dụng mô hình quản trị có Ban kiểm soát (Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc).

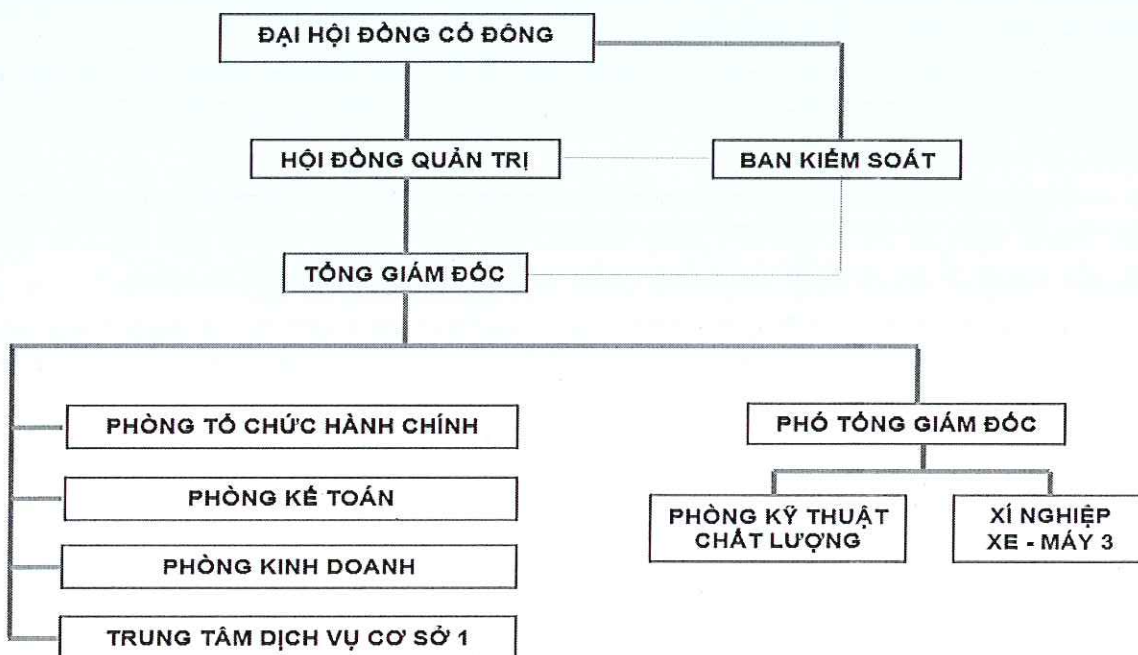
+ Đại hội đồng cổ đông: gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ công ty cổ phần quy định.

+ Hội đồng quản trị: là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ.

+ Ban kiểm soát: là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

+ Tổng Giám đốc: có nhiệm vụ thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Các công ty con, công ty liên kết:

+ Công ty con: không có

+ Công ty liên kết:

Công ty liên doanh Vikotrade

Địa chỉ: 257 Nơ Trang Long, phường 13, quận Bình Thạnh, TP.HCM

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp

Hiện nay, Công ty Vikotrade đang tiếp tục tiến hành các bước theo quy định để giải thể doanh nghiệp. Đã hoàn thành việc quyết toán thuế với cơ quan thuế; Thực hiện bàn giao khu đất 257 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh cho Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố.

Vốn góp của Công ty Hữu Nghị tại công ty Liên doanh Vikotrade là 9.808.971.017 đồng.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Hoàn thành các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông giao.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Tập trung hoàn thành các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông giao hàng năm, phối hợp với cổ đông lớn (Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn) để thực hiện chương trình tái cơ cấu công ty.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty: Luôn tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan đến việc bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh của Công ty; đảm bảo trách nhiệm chia sẻ khó khăn với cộng đồng xã hội luôn hài hòa với sự phát triển của Công ty bằng các hoạt động như: đóng góp cho quỹ hỗ trợ người nghèo của địa phương đơn vị trú đóng; vận động đoàn viên, người lao động tham gia các hoạt động thiện nguyện.

5. Các rủi ro:

- Ngành sản xuất kinh doanh chính là chế tạo sản xuất xe đạp khó có thể thực hiện do chủ trương cổ đông lớn thoái vốn khỏi Công ty Hữu Nghị, nguồn vốn đầu tư sản xuất kinh doanh chính rất nhỏ.

- Năm 2021, tình hình dịch bệnh COVID-19 có những diễn biến khó lường và phức tạp nên tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng. Cụ thể doanh thu khai thác tại tòa nhà 357 Lê Hồng Phong chỉ đạt 91% so với kế hoạch đề ra.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

ĐVT: đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	Thực hiện năm 2021 (đã kiểm toán)	So sánh (%) TH2021/ KH2021
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	10.632.049.427	10.147.646.924	95,44%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	294.235.893	1.193.587.886	405,65%
3	Nộp Ngân sách	3.042.450.195	2.501.930.641	82,23%

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

+ Tổng doanh thu và thu nhập khác là 10.147.646.924 đồng, so với số kế hoạch chỉ đạt 95,44%, nguyên nhân do tình hình dịch bệnh Covid-19 làm ảnh hưởng đến hoạt động khai thác tòa nhà tại 357 Lê Hồng Phong, Phường 02, Quận 10. Cụ thể như sau: doanh thu dự kiến hoạt động khai thác tòa nhà tại 357 Lê Hồng Phong là 6.453.292.152 đồng, nhưng thực tế giảm giá hợp tác cho đối tác trong các tháng diễn ra dịch bệnh (từ tháng 05/2021 đến tháng 10/2021) là 580.796.292 đồng nên doanh thu thực hiện là 5.872.495.860 đồng, giảm 9% so với kế hoạch.

+ Kết quả kinh doanh có lợi nhuận trước thuế là 1.193.587.886 đồng, đạt 405,65% so với kế hoạch. Hiệu quả kinh doanh có được do tổng chi phí hoạt động giảm so với kế hoạch đề ra, cụ thể tổng chi phí dự kiến là 10.337.813.534 đồng nhưng thực tế tổng chi phí hoạt động là 8.954.059.038 đồng. Ngoài ra hiệu quả hoạt động doanh thu tài chính tăng so với số kế hoạch là 21,12%, tương ứng tăng là 192.629.525 đồng do tăng khoản đầu tư tài chính ngắn hạn trong năm từ khoản tiền mặt lưu động của Công ty.

+ Nộp ngân sách là 2.501.930.641 đồng, so với số kế hoạch chỉ đạt 82,23%, do trong năm Công ty chưa nhận Thông báo nộp tiền thuê đất tại 279 Nơ Trang Long (diện tích 5.424m²) từ phía cơ quan thuế nên chưa thực hiện nộp tiền thuê đất năm 2021.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:

STT	TV Ban điều hành	Tóm tắt lý lịch	Tỷ lệ sở hữu CP đến ngày 31/12/2021
1	Ông Võ Hồng Phong – Tổng Giám đốc	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày sinh: 26/02/1964 - Nơi sinh: TPHCM - Dân tộc: Kinh - Quốc tịch: Việt Nam - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật - Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> + 2003 – 2010: Phó Giám đốc Nhà máy thuốc lá Khánh Hội + 2010 – 2015: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Nhựa Sài Gòn + 07/2015 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thương mại Bến Thành + 07/2016 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị. 	Đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn 1.272.279 cổ phiếu, chiếm 32,309% SLCP đang lưu hành
2	Bà Nguyễn Thị Kim Thanh – Kế toán trưởng (đến hết ngày 25/02/2020)	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày sinh: 23/02/1974 - Nơi sinh: Tp.HCM - Dân tộc: Hoa - Quốc tịch: Việt Nam - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán. 	5.630 CP, tỷ lệ 0,143%

STT	TV Ban điều hành	Tóm tắt lý lịch	Tỷ lệ sở hữu CP đến ngày 31/12/2021
		<p>- Quá trình công tác:</p> <p>+ 02/1999 - 07/2016: Chuyên viên kế toán Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị.</p> <p>+ 07/2016 - 05/2021: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị.</p> <p>+ 05/2021 - nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị.</p>	

- Những thay đổi trong ban điều hành: Trong năm 2021, Ban điều hành có sự thay đổi như sau:

+ Ông Võ Hồng Phong: Được bổ nhiệm lại giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty theo Quyết định số 10/QĐ-HĐQT ngày 13/7/2021 của Hội đồng quản trị Công ty.

+ Bà Nguyễn Thị Kim Thanh: Được bổ nhiệm giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty theo Quyết định số 28/QĐ-HĐQT.2021 ngày 26/5/2021 của Hội đồng quản trị Công ty.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

+ Số lượng cán bộ, nhân viên: Đầu năm 2021 (15 người); cuối năm 2021 (15 người).

+ Chính sách đối với người lao động: Công ty cố gắng duy trì, đảm bảo ổn định thu nhập cho người lao động; Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ về Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn-bệnh nghề nghiệp và các chế độ chính sách khác cho người lao động theo quy định.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn: Không

b) Các công ty con, công ty liên kết:

- Công ty con: Không có

- Công ty liên kết:

Công ty liên doanh Vikotrade

+ Địa chỉ: 257 Nơ Trang Long, phường 13, quận Bình Thạnh, TP.HCM

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp

+ Vốn điều lệ thực góp: 19.528.349.740 đồng.

+ Vốn góp của Công ty Hữu Nghị tại công ty Liên doanh Vikotrade : 9.808.971.017 đồng.

Hiện nay, Công ty Vikotrade đã hoàn thành việc bàn giao mặt bằng và hồ sơ nhà đất tại 257 Nơ Trang Long, Phường 13, quận Bình Thạnh cho Trung tâm phát triển quỹ đất; quyết toán thuế, hoàn thành nghĩa vụ đối với các loại thuế: thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, môn bài, thu nhập doanh nghiệp; và hiện nay đang tiến hành các bước tiếp theo để hoàn tất việc giải thể Công ty Vikotrade theo quy định.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	40.387.485.764	45.251.478.643	12,04%
Doanh thu thuần	9.419.365.433	9.043.017.399	-4,00%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.027.604.490	1.969.367.019	-2,87%
Lợi nhuận khác	-69.723.597	-775.779.133	1.012,65%
Lợi nhuận trước thuế	1.957.880.893	1.193.587.886	-39,04%
Lợi nhuận sau thuế	1.957.880.893	1.193.587.886	-39,04%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,3	1,33	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho) Nợ ngắn hạn	1,28	1,31	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	54,18	56,47	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	118,25	129,72	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,23	0,20	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	20,79	13,20	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	10,58	6,06	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	4,85	2,64	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	21,53	21,78	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đã phát hành: 3.943.710 cổ phần
- Mệnh giá mỗi cổ phần: 10.000 đồng*
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông*
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 3.937.790 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ: 5.920 cổ phần

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 3.937.790 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng có điều kiện: 5.920 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông:

* Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 31/12/2021 như sau:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông trong nước	104	3.943.710	100%
	- Tổ chức	2	3.474.920	88,11%
	- Cá nhân	101	462.870	11,74%
	- Công ty Hữu Nghị (cổ phiếu quỹ)	1	5.920	0,15%
2	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
	Tổng cộng	104	3.943.710	100%

(Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty Hữu Nghị do Trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp ngày 12/01/2022).

* Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 31/12/2021 như sau:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMT/GCNDKDN	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV	0300713668	58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Tp.HCM.	3.441.320	87,26%
	Tổng cộng			3.441.320	87,26%

(Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty Hữu Nghị do Trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp ngày 12/01/2022).

*** Cổ đông nhà nước:**

Cổ đông nhà nước làm đại diện là Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH Một thành viên. Theo danh sách cổ đông của Công ty tại ngày 31/12/2021, cổ đông nhà nước vẫn còn nắm giữ 3.441.320 cổ phần, chiếm 87,26% trên tổng số cổ phần của Công ty.

*** Cổ đông nước ngoài:**

Tại thời điểm ngày 31/12/2021, số lượng cổ phần do nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ là: 0 cổ phần, chiếm 0% trên tổng số cổ phần của Công ty.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường: Không có

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu: Không có

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

Điện năng tiêu thụ trong năm : 110.724 Kw

6.4. Tiêu thụ nước:

Lượng nước tiêu thụ trong năm : 4.834 m³

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/:

Không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động bình quân trong năm: 15 người
- Mức lương trung bình: 6.992 nghìn đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Thực hiện công tác bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, phòng chống dịch Covid-19...

- Thực hiện theo quy định tại Thỏa ước lao động tập thể, Công ty đã trang bị đồng phục; và hỗ trợ tiền cơm (số tiền 50.000 đồng/ngày) cho người lao động trong Công ty.

- Thực hiện đầy đủ các chế độ về Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn – bệnh nghề nghiệp, trợ cấp ốm đau thai sản theo Luật định.

- Công ty quan tâm chăm sóc sức khỏe cho người lao động bằng việc mua bảo hiểm toàn diện, với mức 20.000.000 đồng/vụ.

- Ngoài ra, Công ty còn quan tâm về mặt tinh thần cho người lao động như chia sẻ hiếu hỷ, trợ cấp khó khăn đột xuất...

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

Tạo điều kiện để người lao động tham gia các buổi tập huấn, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị do Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV (Công ty mẹ) tổ chức.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:

- Đóng góp cho quỹ hỗ trợ người nghèo của địa phương đơn vị trú đóng; quỹ học bổng Nguyễn Đức Cảnh.

- Đảm bảo vệ sinh tại cơ sở kinh doanh, không làm ảnh hưởng tới môi trường xung quanh.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

DVT: đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	Thực hiện năm 2021 (đã kiểm toán)	So sánh (%) TH2021/KH2021
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	10.632.049.427	10.147.646.924	95,44%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	294.235.893	1.193.587.886	405,65%
3	Nộp Ngân sách	3.042.450.195	2.501.930.641	82,23%

Hoạt động kinh doanh năm 2021 có hiệu quả, kết quả kinh doanh đạt 405,65% so với kế hoạch đề ra, hoạt động Công ty có một số mặt thuận lợi và khó khăn như sau:

Thuận lợi:

+ Được cổ đông lớn (Tổng công ty Công Nghiệp Sài Gòn) tạo điều kiện để công ty tham gia các hoạt động của Chi bộ và đoàn thể.

+ HĐQT và BTGD luôn đồng thuận trong công việc và giải quyết công việc, quan tâm sâu sát hợp tác tháo gỡ khó khăn vướng mắc tại đơn vị.

Khó khăn:

+ Năm 2021, tình hình dịch bệnh COVID-19 có những diễn biến khó lường và phức tạp nên tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng. Cụ thể doanh thu khai thác tại tòa nhà 357 Lê Hồng Phong chỉ đạt 91% so với kế hoạch đề ra.

+ Công ty Hữu Nghị nhận được Thông báo số 7264/TB-CTBTH ngày 21/5/2021 của Chi Cục thuế Quận Bình Thạnh về việc “Nộp tiền thuế từ năm 2015 đến năm 2020” khu đất có diện tích 3.202 m² tại địa chỉ 279 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, số tiền thuế đất cho khu đất có diện tích 3.202 m² tính từ năm 2015 đến năm 2020 phải nộp là 14.074.019.568 đồng. Thời hạn nộp chậm nhất 30 ngày kể từ ngày phát hành thông báo phải nộp 50% số tiền thông báo và số tiền còn lại chậm nhất 90 ngày từ ngày phát hành thông báo. Hiện tại tình hình hoạt động của Công ty gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 kéo dài, việc thực hiện nghĩa vụ nộp tiền thuê đất với số tiền nêu trên vượt quá khả năng tài chính của Công ty.

+ Do vướng mắc một số chính sách pháp luật nên việc giải thể Công ty LD Vikotrade chưa hoàn thành.

+ Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất xe đạp chưa thực hiện được do cổ đông lớn chủ trương thoái vốn.

+ Việc xác nhận công nợ đối với Công ty Hoàng Anh Mê Kông còn khó khăn do đối tác thiếu hợp tác.

+ Một số công ty đối chiếu công nợ quá hạn không thực hiện được do không còn hoạt động.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	40.387.485.764	45.251.478.643	12,04%
Doanh thu thuần	9.419.365.433	9.043.017.399	-4,00%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.027.604.490	1.969.367.019	-2,87%
Lợi nhuận khác	-69.723.597	-775.779.133	1.012,65%
Lợi nhuận trước thuế	1.957.880.893	1.193.587.886	-39,04%
Lợi nhuận sau thuế	1.957.880.893	1.193.587.886	-39,04%

b) Tình hình nợ phải trả:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Số tiền tăng (giảm)
Nợ phải trả	21.882.436.412	25.552.841.405	3.678.404.993
1. Nợ ngắn hạn	21.582.436.412	25.252.841.405	3.678.404.993
2. Nợ dài hạn	300.000.000	300.000.000	0

Nợ phải trả năm 2021 tăng so với năm 2020 chủ yếu là khoản phải trả thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Thực hiện việc sắp xếp lao động, bố trí công việc để phù hợp với điều kiện thực tế tại đơn vị.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai: Phối hợp cổ đông lớn (Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn) thực hiện tái cơ cấu lại tại công ty.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Theo Thuyết minh số 5.3 và 5.12 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có khoản phải thu khác ngắn hạn với số tiền là 5.953.770.248 đồng và khoản phải trả khác ngắn hạn với số tiền 5.250.593.436 đồng của cùng đối tượng Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông. Đây là khoản phải thu và phải trả liên quan đến hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng kinh tế hợp tác góp vốn và chia căn hộ số 21/HN-TIC ngày 22/02/2005 giữa Công ty Cổ phần Công Nghiệp – Thương mại Hữu Nghị và Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông (trước tên là Công ty Cổ phần Xây dựng Tây Nguyên). Công ty được Nhà nước giao quản lý và sử dụng khu đất tại số 279 Nơ Trang Long, phường 13, quận Bình Thạnh theo Quyết định số 2937/QĐ-UB ngày 17/07/2002 của UBND Tp. Hồ Chí Minh. Công ty Hoàng Anh Mê Kông có chức năng kinh doanh, xây dựng nhà, có khả năng về tài chính, quản lý, tổ chức thực hiện dự án. Công ty đồng ý giao và Công ty Hoàng Anh Mê Kông nhận toàn bộ quyền sử dụng phần đất và quyền sở hữu các tài sản trên đất nói trên để lập dự án đầu tư, xây dựng và kinh doanh khu căn hộ trên khu đất nói trên. Khoản phải thu Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông là tiền thuê đất 279 Nơ Trang Long mà Công ty đã trả hộ từ năm 2005 đến năm 2014 với số tiền 5.953.770.248 đồng. Dự án tồn đọng quá lâu đến nay vẫn chưa thanh lý được hợp đồng để xác định công nợ và chi phí phát sinh dự án của hai bên.

Theo Thuyết minh số 5.13 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có quỹ khen thưởng phúc lợi với số dư âm 1.029.928.255 đồng, do Công ty đã chi vượt quỹ khen thưởng phúc lợi từ các năm trước. Công ty chưa có chủ trương bù đắp khoản chi vượt nêu trên vì cho đến nay Công ty vẫn còn lỗ lũy kế, phần lợi nhuận năm 2021 dùng để bù đắp lỗ các năm trước. Công ty sẽ trích lập quỹ để bù đắp quỹ theo quy định khi có lợi nhuận. Do đó, Công ty kiểm toán PKF không đưa ra ý kiến về số dư khoản mục trên cũng như ảnh hưởng của số dư này đến các chỉ tiêu trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty.

Theo thuyết minh số 5.10b “Các khoản đầu tư tài chính dài hạn”, đến ngày phát hành báo cáo kiểm toán, Công ty Hữu Nghị chưa nhận được Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Liên doanh Vikotrade và Công ty Cổ phần Sài Gòn Bất động sản Đông Dương. Do Công ty Liên doanh Vikotrade đang thực hiện các bước tiếp theo để giải thể và Công ty Cổ phần Sài Gòn Bất động sản Đông Dương đang thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính. Công ty Hữu Nghị nộp bổ sung cho Công ty kiểm toán PKF khi nhận báo cáo các công ty trên.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

- Chăm sóc và duy trì phần diện tích cây xanh hiện có tại Công ty.
- Tuyên truyền, giáo dục, vận động cán bộ nhân viên thực hiện công tác xanh, sạch, đẹp tại cơ quan và nơi sinh sống, sinh hoạt.
- Thực hiện việc tiết kiệm điện, nước, văn phòng phẩm...

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- Công tác an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch Covid-19... luôn được Công ty quan tâm thực hiện đầy đủ.
- Công ty tham gia đầy đủ chế độ về Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn-bệnh nghề nghiệp cho người lao động, trợ cấp ốm đau thai sản theo Luật định.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

- Công ty tuân thủ các quy định của chính quyền địa phương, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường, cũng như không gây ảnh hưởng đến sức khỏe người dân xung quanh.
- Hỗ trợ tài chính cho quỹ vì người nghèo tại địa phương đơn vị trú đóng; đóng góp cho quỹ học bổng Nguyễn Đức Cảnh.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

- Năm 2021, hoạt động sản xuất cơ khí (linh kiện và xe đạp hoàn chỉnh) của Công ty vẫn đang tạm dừng. Doanh thu hoạt động chủ yếu từ việc hợp tác với đối tác.

- Về trách nhiệm môi trường và xã hội: Công ty quan tâm đến việc ủng hộ quỹ người nghèo địa phương, đóng góp quỹ học bổng Nguyễn Đức Cảnh; công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần người lao động trong Công ty được quan tâm; các chế độ chính sách đối với người lao động được thực hiện đầy đủ theo quy định.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

2.1. Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD:

3007
CÔNG
CỐ P
NGHỆ
HỮU
H PHỐ

- Căn cứ theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Ban Tổng Giám Đốc Công ty đã triển khai thực hiện nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, duy trì việc hợp tác với đối tác.

- Kết quả kinh doanh năm 2021 (đã kiểm toán) của Công ty như sau:

ĐVT: đồng

T T	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	Thực hiện năm 2021 (đã kiểm toán)	So sánh (%) TH2021/KH2021
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	10.632.049.427	10.147.646.924	95,44%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	294.235.893	1.193.587.886	405,65%
3	Nộp ngân sách	3.042.450.195	2.501.930.641	82,23%

2.2. Tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết HĐQT:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 và các Nghị quyết Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã triển khai các nội dung công việc. Kết quả trong năm 2021, có 20 nội dung công việc được phân công cho Ban điều hành theo Nghị quyết ĐHĐCĐ (hoàn thành 05 nội dung); 15 nội dung công việc được phân công theo Nghị quyết HĐQT (hoàn thành 12 nội dung).

Các nội dung hoàn thành như sau:

- + Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 trình Hội đồng quản trị Công ty.
- + Hoàn thành việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ sau Đại Hội, chi trả cổ tức năm 2020.
- + Hoàn thành việc chi trả thù lao năm 2021 của HĐQT và Ban Kiểm soát.
- + Ủy quyền để HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính.
- + Thực hiện việc công bố thông tin theo đúng quy định và Quy trình công bố thông tin của Công ty.
- + Duy trì việc hợp tác kinh doanh.
- + Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện vai trò của người đại diện vốn tại Công ty liên doanh Vikotrade. Đối với công tác giải thể, đã hoàn thành quyết toán thuế và bàn giao mặt bằng và hồ sơ nhà đất cho Trung tâm phát triển quỹ đất.

Tuy nhiên, việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết Hội đồng quản trị năm 2021 còn một số nội dung đang tiếp tục thực hiện để hoàn thành, cụ thể như sau:

- + Đang tiếp tục thực hiện tính toán hiệu quả việc sử dụng tài sản của Công ty, xem xét phương án sử dụng tài sản của Công ty;
- + Đang tiếp tục việc thanh lý hợp đồng với Công ty Hoàng Anh Mê Kông trong dự án tại 279 Nơ Trang Long, Quận Bình Thạnh;
- + Đang tiếp tục thực hiện các hồ sơ, thủ tục để hoàn tất việc giải thể Công ty liên doanh Vikotrade;

+ Đang thực hiện việc rà soát lại đối với Dự án di dời đầu tư chiều sâu mở rộng sản xuất sản phẩm xe đạp hoàn chỉnh và sản phẩm cơ khí nội thất, việc hợp tác với REE, để thực hiện đúng theo quy định của Quyết định 86/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị;

+ Đang tiếp tục thực hiện các bước thủ tục tiếp theo để hoàn tất ban hành Thang, bảng lương Công ty năm 2021 và quỹ tiền lương kế hoạch năm 2021;

+ Đang tiếp tục rà soát điều chỉnh thực hiện trường hợp Trưởng ban kiểm soát làm việc không chuyên trách và xây dựng lại Điều lệ Công ty để phù hợp Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH1;

+ Đang tiếp tục rà soát để điều chỉnh và xây dựng lại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty phù hợp quy định hiện hành;

+ Đang tiếp tục Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị phù hợp Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Nghị định 155/2020/NĐ-CP và quyết định phân công HĐQT.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

3.1. Về chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2022:

Dự kiến số liệu kế hoạch sản xuất kinh doanh để trình tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 như sau:

+ Doanh thu:	9.491.611.311 đồng
+ Lợi nhuận:	-1.091.375.628 đồng
+ Nộp ngân sách:	4.444.433.842 đồng

3.2. Định hướng của Hội đồng quản trị:

Theo dõi và nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của Công ty, đề ra các chủ trương, hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022. Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của đơn vị. Hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối với người lao động.

- Đôn đốc, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, sử dụng đối với các địa chỉ khu đất được Nhà nước giao; công tác quản lý, điều hành đơn vị.

- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động của HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm, đồng hành cùng Ban Tổng Giám đốc nỗ lực vượt khó khăn, đưa Công ty đi vào hoạt động ổn định, phát triển để đáp ứng mong muốn của ĐHĐCĐ cũng như nguyện vọng của người lao động tại đơn vị.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a/ Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty nắm giữ tại công ty khác).

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập		Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Các chứng khoán khác do công ty phát hành
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm		
1	Ông Lê Tấn Dương	Chủ tịch HĐQT	01/7/2016		Đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn 1.863.636 CP, chiếm tỷ lệ 47,33% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết	
2	Ông Võ Hồng Phong	Thành viên HĐQT	01/7/2016		Đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn 1.577.484 CP, chiếm tỷ lệ 40,06% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết	
3	Ông Vũ Cương Quyết	Thành viên HĐQT	01/7/2016	Mãn nhiệm ngày 30/6/2021		
4	Ông Đỗ Trọng Toàn	Thành viên HĐQT	01/7/2016	Mãn nhiệm ngày 30/6/2021		

Ngày 30/6/2021, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua kết quả bầu Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ (2021-2025). Tiếp đó, Hội đồng quản trị cũng đã họp bầu chức danh Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ (2021-2025). Cụ thể thông tin HĐQT như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập		Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Các chứng khoán khác do công ty phát hành
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm		
1	Ông Lê Tấn Dương	Chủ tịch HĐQT	30/6/2021		Đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn 1.774.670 CP, chiếm tỷ lệ 45,07% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết	

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập		Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Các chứng khoán khác do công ty phát hành
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm		
2	Ông Võ Hồng Phong	Thành viên HĐQT	30/6/2021		Đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn 1.272.279 CP, chiếm tỷ lệ 32,31% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết	
3	Bà Lương Thị Ánh Nguyệt	Thành viên HĐQT	30/6/2021		Đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn 394.371 CP, chiếm tỷ lệ 10,02% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết	

b/ Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban)

Không có

c/ Hoạt động của Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp)

- Các cuộc họp từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 (theo nhiệm kỳ hoạt động 2016-2021):

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Lê Tấn Dương	08 (2 lần họp, 6 lần lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản)	100%	
2	Ông Võ Hồng Phong	08 (2 lần họp, 6 lần lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản)	100%	
3	Ông Vũ Cương Quyết	08 (2 lần họp, 6 lần lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản)	100%	
4	Ông Đỗ Trọng Toàn	08 (2 lần họp, 6 lần lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản)	100%	

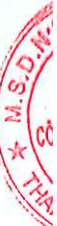
- Các cuộc họp từ ngày 30/6/2021 (theo nhiệm kỳ hoạt động 2021-2025):

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Lê Tấn Dương	06 (3 lần họp, 3 lần lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản)	100%	
2	Ông Võ Hồng Phong	06 (3 lần họp, 3 lần lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản)	100%	
3	Bà Lương Thị Ánh Nguyệt	06 (3 lần họp, 3 lần lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản)	100%	

- Nội dung và kết quả của các cuộc họp:

STT	Phiên họp ngày	Nội dung được thống nhất, thông qua
I	Họp ĐHĐCĐ	
1	14/4/2021 (Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)	Nghị quyết số 19/NQ-ĐHĐCĐ.2021 Không thông qua việc miễn nhiệm thành viên BKS, thôi giữ chức danh Trưởng BKS theo Đơn xin từ nhiệm.
2	20/5/2021 (ĐHĐCĐ bất thường năm 2021)	Nghị quyết số 26/NQ-ĐHĐCĐ.2021 1. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 (đã kiểm toán). 2. Thông qua Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ sau Đại hội, chi trả cổ tức năm 2019 (Theo Tờ trình 21/TTr-HĐQT.2021 ngày 28/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty). 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 – Tổng kết hoạt động nhiệm kỳ III (2016-2020) (Theo Báo cáo số 01/BCĐH-BKS-HN ngày 15/5/2020 của Ban kiểm soát Công ty). 4. Thông qua việc “Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát, thôi giữ chức danh Trưởng Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2020 theo Đơn xin từ nhiệm”.
3	30/6/2021 (ĐHĐCĐ thường niên năm 2021)	Nghị quyết số 36/NQ-ĐHĐCĐ.2021 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 - Phương hướng hoạt động năm 2021, theo Báo cáo số 30/BC-HĐQT.2021 ngày 04/6/2021 của Hội đồng quản trị Công ty. 2. Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2020 của Công ty - Phương hướng nhiệm vụ năm 2021, theo Báo cáo số 80/BC-BTGĐ ngày 04/6/2021 của Tổng Giám đốc Công ty. 3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 (đã kiểm toán). 4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ sau Đại hội, chi trả cổ tức năm 2020, Theo Tờ trình số 31/TTr-HĐQT.2021 ngày 04/6/2021 của Hội đồng quản trị Công ty. 5. Thông qua Tờ trình chi trả thù lao năm 2020 và dự kiến thù lao năm 2021 của HĐQT và BKS, Theo Tờ trình số 32/TTr-HĐQT.2021 ngày 04/6/2021 của Hội đồng quản trị Công ty. 6. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020, Theo Báo cáo số 02/BCĐH-BKS-HN ngày 10/5/2020 của Ban kiểm soát Công ty.

STT	Phiên họp ngày	Nội dung được thống nhất, thông qua
		<p>7. Thông qua việc ủy quyền để HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính năm 2021, Theo Tờ trình số 33/TTr-HĐQT.2021 ngày 04/6/2021 của HĐQT Công ty.</p> <p>8. Thông qua kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp-Thương mại Hữu Nghị nhiệm kỳ IV(2021 – 2025).</p> <p>9. Thông qua kết quả bầu cử thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị nhiệm kỳ IV (2021 – 2025).</p>
II	Họp HĐQT	
1	03/02/2021 (Lấy ý kiến bằng văn bản)	- Thang, bảng lương Công ty năm 2020.
2	11/3/2021 (Lấy ý kiến bằng văn bản)	- Báo cáo tình hình quản trị nội bộ năm 2020.
3	26/3/2021 (Lấy ý kiến bằng văn bản)	- Gia hạn thời gian họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
4	26/3/2021 (Lấy ý kiến bằng văn bản)	- Xếp lương CBCNV.
5	30/3/2021 (Lấy ý kiến bằng văn bản)	- Tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2021.
6	09/4/2021	- Xem xét, đánh giá tình hình hoạt động Công ty quý 1/2021 - Công tác tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2021. - Công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
7	28/4/2021 (Lấy ý kiến bằng văn bản)	- Xét duyệt nội dung, chương trình ĐHĐCĐ bất thường năm 2021.
8	04/6/2021	- Xét duyệt chương trình, nội dung các báo cáo, tài liệu để họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
9	30/6/2021	- Bầu chức danh Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2021-2025.
10	14/7/2021 (Lấy ý kiến bằng văn bản)	- Bổ nhiệm lại Tổng Giám đốc Công ty.
11	12/10/2021 (Lấy ý kiến bằng văn bản)	- Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2021.



STT	Phiên họp ngày	Nội dung được thống nhất, thông qua
12	19/10/2021	- Xem xét, đánh giá tình hình hoạt động Công ty quý II/2021 - Xem xét, đánh giá tình hình hoạt động Công ty quý III/2021
13	01/12/2021 (Lấy ý kiến bằng văn bản)	- Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2021
14	30/12/2021	- Xem xét, đánh giá tình hình hoạt động Công ty quý IV/2021, cả năm 2021. - Dự kiến kế hoạch SXKD năm 2022.

Ngoài ra, thực hiện theo tinh thần Biên bản cuộc họp HĐQT số 29/BB-HĐQT.2020 ngày 30/12/2020 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 số 26/NQ-ĐHĐCĐ.2021 ngày 20/5/2021, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT.2021 ngày 05/01/2021 về việc lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản để miễn nhiệm thành viên BKS, thôi nhiệm vụ Trưởng BKS theo Đơn xin từ nhiệm; Quyết định số 28/QĐ-HĐQT.2021 ngày 28/5/2021 về việc bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty.

d/ Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/ Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp)

Không có

e/ Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)	Chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty
1	Ông Lê Tấn Dương	Chủ tịch HĐQT	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Quản trị kinh doanh
2	Ông Võ Hồng Phong	Thành viên HĐQT	Cử nhân Luật
3	Bà Lương Thị Ánh Nguyệt	Thành viên HĐQT	Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán-Kiểm toán

2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

- Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Các chứng khoán khác do công ty phát hành
1	Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	Trưởng Ban kiểm soát	Ngày 01/7/2016	Đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn 5.630 CP, chiếm tỷ lệ 0,143% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết	Không có
2	Ông Huỳnh Văn Quang Trung	Thành viên Ban kiểm soát	Ngày 01/7/2016	0%	Không có
3	Bà Lương Thị Ánh Nguyệt	Thành viên Ban kiểm soát	Ngày 01/7/2016	0%	Không có

- Từ 30/6/2021 đến 31/12/2021:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Các chứng khoán khác do công ty phát hành
1	Ông Huỳnh Văn Quang Trung	Trưởng Ban kiểm soát	Ngày 30/6/2021	0%	Không có
2	Bà Hoàng Bảo Châu	Thành viên Ban kiểm soát	Ngày 30/6/2021	0%	Không có
3	Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên Ban kiểm soát	Ngày 30/6/2021	0%	Không có

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp)

- Số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán:

+ Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021:

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	01	100%	100%	
2	Ông Huỳnh Văn Quang Trung	01	100%	100%	
3	Bà Lương Thị Ánh Nguyệt	01	100%	100%	

+ Từ 30/6/2021 đến 31/12/2021:

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Huỳnh Văn Quang Trung	03	100%	100%	
2	Bà Hoàng Bảo Châu	03	100%	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Thu	03	100%	100%	

- Nội dung và kết quả của các cuộc họp:

Thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần CN-TM Hữu Nghị và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020- số 21A/NQ-ĐHĐCĐ.2020 thông qua ngày 29/7/2020, Ban kiểm soát tổ chức thực hiện 01 buổi kiểm tra định kỳ theo chương trình kế hoạch kiểm tra năm 2021, nội dung chương trình làm việc của Ban kiểm soát như sau:

+ Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 21A/NQ-ĐHĐCĐ.2020 thông qua ngày 29 tháng 7 năm 2020;

+ Kiểm tra công tác quản trị nội bộ, điều hành hoạt động Công ty của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong việc tuân thủ Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, và các quy định pháp luật khác.

+ Kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty, bao gồm: hoạt động kinh doanh, tài chính, đầu tư góp vốn và giải quyết các vấn đề còn tồn đọng của Công ty;

+ Kiểm tra, thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý và năm do Công ty tự lập và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán;

+ Kiểm tra hoạt động của Công ty trong việc tuân thủ quy định pháp luật Chứng khoán đối với Công ty đại chúng có cổ phiếu giao dịch trên sàn Upcom như sau: thực hiện quyền cho cổ đông, công bố thông tin theo quy định và một số hoạt động khác có liên quan đến cổ đông của Công ty;

+ Kiểm tra công tác ban hành văn bản, quy trình, quy chế có phù hợp với Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành;

+ Và kiểm tra một số công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Sau mỗi đợt kiểm tra, Ban kiểm soát thực hiện báo cáo các nội dung kiểm tra cùng những đề xuất, kiến nghị gửi đến Ban Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị để triển khai các biện pháp thực hiện được kịp thời.

Chi tiết các đợt kiểm tra như sau:

Đợt kiểm tra	Ngày kiểm tra	Nội dung kiểm tra	Báo cáo kết quả kiểm tra
01	08/4/2021	Kiểm tra tổng kết tình hình hoạt động của Công ty năm 2020, nội dung kiểm tra theo Biên bản làm việc ngày 08/4/2021.	Báo cáo kiểm tra số 01/BC-BKS-HN ngày 16/4/2021. Biên bản họp số 01/BKS-HN ngày 8/4/2021.

Đợt kiểm tra	Ngày kiểm tra	Nội dung kiểm tra	Báo cáo kết quả kiểm tra
02	14/10/2021 và 26/10/2021	Kiểm tra tình hình hoạt động của Công ty quý 1, 2 năm 2021, nội dung kiểm tra theo Biên bản làm việc số 02.2021/BB-BKS ngày 26/10/2021.	Biên bản làm việc số 02.2021/BB-BKS ngày 26/10/2021.
03	28/12/2021	Kiểm tra tình hình hoạt động của Công ty quý 3 năm 2021, nội dung kiểm tra theo Biên bản làm việc số 07.2021/BB-BKS ngày 28/12/2021.	Biên bản làm việc số 07.2021/BB-BKS ngày 28/12/2021. Báo cáo kiểm tra số 08/BC-BKS-HN ngày 28/12/2021.

- Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán:

Ban kiểm soát (BKS), Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD) phối hợp hoạt động theo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần CN-TM Hữu Nghị. Hoạt động của Ban kiểm soát dựa trên tinh thần làm việc khách quan, trung thực, chủ động tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn nhằm mang lại hiệu quả tốt nhất cho Công ty.

Trong năm 2021, đại diện BKS tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị. Những ý kiến đóng góp, nhận định, đề xuất của BKS trong các lần kiểm tra định kỳ về các mặt hoạt động của Công ty cơ bản được HĐQT, Ban TGD ghi nhận và triển khai.

Ngoài ra, BKS đã cùng với HĐQT, Ban TGD phối hợp tổ chức thực hiện quyền cho các Cổ đông theo Điều lệ Công ty quy định nhằm đảm bảo quyền lợi cho các Cổ đông. Công bố thông tin kịp thời theo đúng quy định trên website Công ty nhằm tạo mọi điều kiện để Cổ đông cập nhật thông tin. Trong năm 2021, BKS không nhận được một khiếu nại nào của Cổ đông phản ánh về tình hình hoạt động của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích, chi phí:

TT	Họ tên	Chức danh	Lương	Phụ cấp cơm, xe	Thu nhập khác (Hỗ trợ, quà Lễ Tết)	Chi phí (Xe đưa đón, vận chuyển)	Thù lao HĐQT, BKS	Tổng cộng
1	Lê Tấn Dương	Chủ tịch HĐQT					40.200.000	40.200.000
2	Võ Hồng Phong	TV.HĐQT, Tổng Giám đốc	145.896.000	9.300.000	23.754.000	89.030.065	26.150.000	294.130.065
3	Vũ Cương Quyết	TV.HĐQT	63.624.000	5.850.000	20.192.000		12.950.000	102.616.000
4	Đỗ Trọng Toàn	TV.HĐQT					12.950.000	12.950.000
5	Lương Thị Ánh Nguyệt	TV.BKS, TV.HĐQT					21.700.000	21.700.000
6	Huỳnh Văn Quang Trung	TV.BKS, Trưởng BKS					19.900.000	19.900.000
7	Hoàng Bích Châu	TV.BKS					9.000.000	9.000.000
8	Nguyễn Thị Thu	TV.BKS					9.000.000	9.000.000
9	Nguyễn Thị Kim Thanh	Trưởng BKS, Kế toán trưởng	109.662.406	8.750.000	18.379.000			136.791.406
		Tổng cộng	319.182.406	23.900.000	62.325.000	89.030.065	151.850.000	646.287.471

b/ Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

Trong năm 2021, Công ty không nhận được hồ sơ, thông báo đối với giao dịch thuộc trường hợp này.

c/ Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

Trong năm 2021, Công ty không nhận được hồ sơ, thông báo về hợp đồng, giao dịch thuộc trường hợp này.

d/ Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/ kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty.

Trong năm 2021, Công ty thực hiện theo đúng quy định pháp luật về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.3 và 5.12 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có khoản phải thu khác ngắn hạn với số tiền là 5.953.770.248 đồng và khoản phải trả khác ngắn hạn với số tiền 5.250.593.436 đồng của cùng đối tượng Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai Mê Kông. Tuy nhiên, tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, Chúng tôi không thể xác nhận hoặc kiểm tra bằng các phương pháp thay thế khác đối với các khoản phải thu khác và phải trả khác này. Do những vấn đề nêu trên, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với các số dư này, cũng như các ảnh hưởng liên quan đến các chỉ tiêu trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty. Ngoài ra, khoản phải thu khác ngắn hạn này đã quá hạn hơn 03 năm. Tuy nhiên, Công ty chưa trích lập dự phòng cho khoản công nợ này do ảnh hưởng của số dư nợ phải thu và nợ phải trả nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi hay không.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.13 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có quỹ khen thưởng phúc lợi với số dư âm 1.029.928.255 đồng, do Công ty đã chi vượt quỹ khen thưởng phúc lợi từ các năm trước. Tuy nhiên, Công ty chưa có chủ trương bù đắp khoản chi vượt nêu trên. Nếu áp dụng điều chỉnh phi hồi tố, quỹ khen thưởng phúc lợi và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty sẽ tăng và giảm cùng một số tiền là 1.029.928.255 đồng. Đồng thời, lợi nhuận sau thuế trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 sẽ giảm tương ứng 1.029.928.255 đồng.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 5.10b “Các khoản đầu tư tài chính dài hạn”, đến ngày phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa nhận được Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty vào Công ty Liên doanh Vikotrade và Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Đông Dương. Do đó, Công ty chưa có cơ sở đáng tin cậy để thực hiện trích lập bổ sung dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài Chính. Với những tài liệu hiện có

của Công ty, chúng tôi cũng không thể ước tính được dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn nêu trên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Thương mại Hữu Nghị tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

190
Y
N
CÔNG
H
CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ
 Địa chỉ: 357 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		33.681.108.175	28.162.169.468
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.086.020.056	1.337.282.531
Tiền	111		1.486.020.056	837.282.531
Các khoản tương đương tiền	112		1.600.000.000	500.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.10a	23.500.000.000	18.100.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		23.500.000.000	18.100.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.411.523.957	8.035.416.431
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	1.784.825.700	3.127.722.411
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		61.031.085	8.781.085
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	8.614.947.661	8.903.936.229
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.4	(4.049.280.489)	(4.005.023.294)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.5	631.653.687	631.653.687
Hàng tồn kho	141		930.482.934	930.482.934
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(298.829.247)	(298.829.247)
Tài sản ngắn hạn khác	150		51.910.475	57.816.819
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	13.700.373	17.218.183
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	38.210.102	40.598.636
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

8

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ
 Địa chỉ: 357 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.570.370.468	12.225.316.296
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		7.123.190.032	7.778.135.860
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	7.123.190.032	7.778.135.860
- Nguyên giá	222		22.325.808.235	22.325.808.235
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(15.202.618.203)	(14.547.672.375)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.8	-	-
- Nguyên giá	228		225.210.831	225.210.831
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(225.210.831)	(225.210.831)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.447.180.436	3.447.180.436
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí XDCB dở dang	242	5.9	3.447.180.436	3.447.180.436
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10b	1.000.000.000	1.000.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		9.808.971.017	9.808.971.017
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.000.000.000	1.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(9.808.971.017)	(9.808.971.017)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		-	-
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		45.251.478.643	40.387.485.764

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

9

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ
 Địa chỉ: 357 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
NỢ PHẢI TRẢ	300		25.552.841.405	21.882.436.412
Nợ ngắn hạn	310		25.252.841.405	21.582.436.412
Phải trả người bán ngắn hạn	311		12.572.727	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	20.572.690.748	16.962.050.237
Phải trả người lao động	314		-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12a	5.697.506.185	5.650.314.430
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.13	(1.029.928.255)	(1.029.928.255)
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		300.000.000	300.000.000
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.12b	300.000.000	300.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

10

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ
 Địa chỉ: 357 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

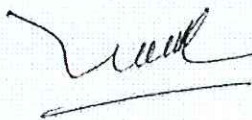
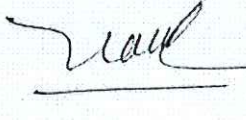
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		19.698.637.238	18.505.049.352
Vốn chủ sở hữu	410	5.14	19.698.637.238	18.505.049.352
Vốn góp của chủ sở hữu	411		39.437.100.000	39.437.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		39.437.100.000	39.437.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		30.000	30.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		(57.500.000)	(57.500.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.374.353.513	1.374.353.513
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(21.055.346.275)	(22.248.934.161)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(22.248.934.161)	(24.206.815.054)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.193.587.886	1.957.880.893
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		45.251.478.643	40.387.485.764

Ngày 29 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC


Nguyễn Thị Kim Thanh

Nguyễn Thị Kim Thanh

Võ Hồng Phong

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

11

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ
 Địa chỉ: 357 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND


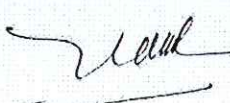
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	9.043.017.399	9.419.365.433
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	9.043.017.399	9.419.365.433
Giá vốn hàng bán	11		-	-
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.043.017.399	9.419.365.433
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.2	1.104.629.525	1.115.630.646
Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.3	8.178.279.905	8.507.391.589
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.969.367.019	2.027.604.490
Thu nhập khác	31		-	287.025
Chi phí khác	32	6.4	775.779.133	70.010.622
Lợi nhuận khác	40		(775.779.133)	(69.723.597)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.193.587.886	1.957.880.893
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.5	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.193.587.886	1.957.880.893
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	303	497
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.7	303	497

Ngày 29 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC


Nguyễn Thị Kim Thanh

Nguyễn Thị Kim Thanh

Võ Hồng Phong

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

12

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Năm 2021	Năm 2020
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	11.286.228.488	9.616.530.357
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(1.429.956.573)	(1.668.104.371)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.605.698.519)	(1.635.992.770)
Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	55.711.477	119.922.775
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.559.155.641)	(2.927.360.167)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.747.129.232	3.504.995.824
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(24.600.000.000)	(24.100.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	19.200.000.000	20.200.000.000
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.401.608.293	611.526.672
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.998.391.707)	(3.288.473.328)

HỒ SƠ TÀI CHÍNH

133
 T
 HẢI
 THỨC
 VG
 HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ
 Địa chỉ: 357 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

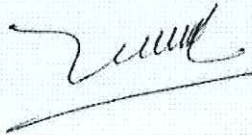
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp) (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Năm 2021	Năm 2020
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.748.737.525	216.522.496
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.337.282.531	1.120.760.035
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	3.086.020.056	1.337.282.531

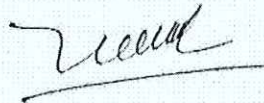
Ngày 29 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Kim Thanh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Kim Thanh

TỔNG GIÁM ĐỐC



Võ Hồng Phong

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

14

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Thương mại Hữu Nghị được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300743380 cấp ngày 06 tháng 01 năm 2005, thay đổi gần nhất ngày 09 tháng 02 năm 2017 (lần thứ 10) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 39.437.100.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, mua bán phụ tùng xe đạp, xe gắn máy; lắp ráp xe đạp, xe gắn máy và lắp đặt máy móc thiết bị; cho thuê văn phòng, nhà xưởng; kinh doanh nhà ở; mua bán hàng kim khí điện máy, đồ dùng và linh kiện, thiết bị âm thanh, đồ dùng văn phòng, đồ dùng gia đình; hàng thủ công mỹ nghệ, hàng may mặc, giày dép, đồng hồ, túi xách, hàng da và giả da; đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; mua bán vật tư ngành viễn thông; nhà hàng; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp (không hoạt động tại trụ sở); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 hoạt động cho hợp tác khai thác mặt bằng có ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có Văn phòng chính đặt tại 357 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhân sự

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 15 người (31 tháng 12 năm 2020: 14 người).

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- | | |
|-------------------------|---------------------|
| - Nguyên liệu, vật liệu | Bình quân gia quyền |
| - Công cụ, dụng cụ | Bình quân gia quyền |
| - Thành phẩm | Bình quân gia quyền |
| - Hàng hóa | Bình quân gia quyền |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư 48/2019/TT-BTC ban hành ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 10 – 15 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10 năm |



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

- Hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9002 08 năm

4.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 48/2019/TT-BTC ban hành ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả cho nhà cung cấp của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.10. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.

11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

- (ii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.11. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với các dịch vụ, hàng hóa của Công ty là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.12. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.13. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

4.14. Lãi/Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Tiền mặt	32.839.119	64.906.720
Tiền gửi ngân hàng	1.453.180.937	772.375.811
Các khoản tương đương tiền (i)	1.600.000.000	500.000.000
Cộng	3.086.020.056	1.337.282.531

(i) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - PGD Cao Thắng và Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Tân Bình, lãi suất từ 3,7%/năm đến 5,55%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
- Công ty TNHH Tư vấn Dịch vụ Thương mại Giáo dục Phương Nam	2.000	1.343.690.676
- Công ty TNHH Bất động sản Nam Hải	976.506.008	976.506.008
- Công ty TNHH Sản xuất Xe đạp Điện Anpha	482.218.500	482.218.500
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông In Bưu điện	284.811.177	284.811.177
- Công ty TNHH Sacred Earth Việt Nam	40.496.000	40.496.000
- Các khách hàng khác	792.015	50
Cộng	1.784.826.700	3.127.722.411

5.3 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Tạm ứng</i>	12.221.200	-	-	-
<i>Ký quỹ, ký cược</i>	5.000.000	-	5.000.000	-
Phải thu khác	8.597.726.461	2.256.467.719	8.898.936.229	2.212.210.524
- Phải thu khác bên liên quan	204.843.252	204.843.252	204.843.252	204.843.252
+ Công ty Liên doanh VikoTrade	204.843.252	204.843.252	204.843.252	204.843.252
- Phải thu khác bên thứ ba	8.392.883.209	2.051.624.467	8.694.092.977	2.007.367.272
+ Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai Mê Kông	5.953.770.248	-	5.953.770.248	-
+ Công ty TNHH Tư vấn Kiến trúc Xây dựng COM	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000
+ Chi cổ lực vượt	44.257.195	44.257.195	44.257.195	-
+ Trích trước lãi tiền gửi có kỳ hạn	387.488.494	-	684.467.262	-
+ Nguyễn Mạnh Hùng	-	-	4.231.000	-
+ Tài sản thiếu chờ xử lý	207.367.272	207.367.272	207.367.272	207.367.272
+ Phải thu khác	-	-	-	-
Cộng	8.614.947.661	2.256.467.719	8.903.936.229	2.212.210.524

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.4 Nợ xấu

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	10.003.050.737	5.953.770.248	10.003.050.737	5.998.027.443
Từ 03 năm trở lên	10.003.050.737	5.953.770.248	10.003.050.737	5.998.027.443
- Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai Mê Kông	5.953.770.248	5.953.770.248	5.953.770.248	5.953.770.248
- Công ty TNHH Tư vấn Kiến trúc Xây dựng COM	1.800.000.000	-	1.800.000.000	-
- Công ty TNHH Bất động sản Nam Hải	976.506.008	-	976.506.008	-
- Công ty TNHH Sản xuất Xe đạp Điện Anpha	482.218.500	-	482.218.500	-
- Công ty TNHH Sacred Earth Việt Nam	40.496.000	-	40.496.000	-
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông In Bưu điện	284.811.177	-	284.811.177	-
- Công ty Liên doanh Vikotrade	204.843.252	-	204.843.252	-
- Công ty Luật TNHH Đền Biển	8.781.085	-	8.781.085	-
- Cổ tức chi vượt	44.257.195	-	44.257.195	44.257.195
- Các đối tượng khác	207.367.272	-	207.367.272	-

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Số đầu năm	4.005.023.294	4.019.254.294
Trích lập dự phòng trong năm	44.257.195	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(14.231.000)
Số cuối năm	4.049.280.489	4.005.023.294

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ
 Địa chỉ: 357 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	628.627.907	(239.080.771)	628.627.907	(239.080.771)
- Công cụ, dụng cụ	19.808.409	(19.808.409)	19.808.409	(19.808.409)
- Thành phẩm	272.474.378	(34.813.127)	272.474.378	(34.813.127)
- Hàng hóa	9.572.240	(5.126.940)	9.572.240	(5.126.940)
Cộng	930.482.934	(298.829.247)	930.482.934	(298.829.247)

5.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn

	01/01/2021 (VND)	Tăng trong năm (VND)	Phân bổ chi phí trong năm (VND)	31/12/2021 (VND)
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	17.218.183	14.700.000	(18.217.810)	13.700.373
Tiền thuê đất	-	5.621.564.416	(5.621.564.416)	-
Cộng	17.218.183	5.636.264.416	(5.639.782.226)	13.700.373

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc và thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Cộng (VND)
Nguyên giá				
01/01/2021	18.845.196.203	2.644.558.498	836.053.534	22.325.808.235
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
31/12/2021	18.845.196.203	2.644.558.498	836.053.534	22.325.808.235
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết, đang sử dụng</i>	-	2.608.838.498	836.053.534	3.444.892.032
Giá trị hao mòn lũy kế				
01/01/2021	11.072.775.581	2.638.843.260	836.053.534	14.547.672.375
Tăng trong năm	652.088.232	2.857.596	-	654.945.828
<i>Khấu hao trong năm</i>	652.088.232	2.857.596	-	654.945.828
Giảm trong năm	-	-	-	-
31/12/2021	11.724.863.813	2.641.700.856	836.053.534	15.202.618.203
Giá trị còn lại				
Tại 01/01/2021	7.772.420.622	5.715.238	-	7.778.135.860
Tại 31/12/2021	7.120.332.390	2.857.642	-	7.123.190.032

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.8 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Là hệ thống quản lý chất lượng ISO 9002.

	Nguyên giá (VND)	Giá trị hao mòn lũy kế (VND)	Giá trị còn lại (VND)
Số đầu năm	225.210.831	225.210.831	-
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	225.210.831	225.210.831	-

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Chi phí xây dựng Công trình 279 Nơ Trang Long, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	3.447.180.436	3.447.180.436
Cộng	3.447.180.436	3.447.180.436

5.10 Các khoản đầu tư tài chính

a. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	23.500.000.000	23.500.000.000	18.100.000.000	18.100.000.000
Cộng	23.500.000.000	23.500.000.000	18.100.000.000	18.100.000.000

(i) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn - Phòng Giao dịch Cao Thắng và Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Tân Bình, lãi suất từ 4,8%/năm đến 6,35%/năm.

b. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết						
Công ty Liên doanh Vikotrade (i)	9.808.971.017	(9.808.971.017)	(*) 9.808.971.017	(9.808.971.017)		(*)
Đầu tư khác vào công ty khác						
Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Đồng Dương	1.000.000.000	-	(*) 1.000.000.000	-		(*)
Cộng	10.808.971.017	(9.808.971.017)	(*) 10.808.971.017	(9.808.971.017)		(*)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính.

25

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính nêu trên có thể khác với giá trị ghi sổ.

(i) Công ty Liên doanh Vikotrade được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300829126 ngày 12/11/1998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty Cổ phần Công nghiệp - Thương mại Hữu Nghị góp 9.808.971.017 đồng tương đương 50% vốn điều lệ của Công ty Liên doanh Vikotrade. Hiện Công ty Liên doanh Vikotrade đang làm thủ tục giải thể Công ty và đã hoàn tất việc quyết toán thuế với Cơ quan quản lý thuế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Liên doanh Vikotrade và Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Đồng Dương cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh trong kỳ như sau

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Số đầu năm	9.808.971.017	9.808.971.017
Trích lập dự phòng trong năm	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Số cuối năm	9.808.971.017	9.808.971.017

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Thuế giá trị gia tăng	74.381.971	74.381.971	72.822.375	72.822.375
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	16.992.769.824	16.992.769.824	14.074.019.568	14.074.019.568
- Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	3.505.538.953	3.505.538.953	2.815.208.294	2.815.208.294
Cộng	20.572.690.748	20.572.690.748	16.962.050.237	16.962.050.237

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tình hình biến động của các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2021 (VND)		Số phát sinh trong kỳ (VND)		31/12/2021 (VND)	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng	72.822.375	-	837.374.953	(835.815.357)	74.381.971	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	40.598.636	5.289.092	(2.900.558)	-	38.210.102
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	14.074.019.568	-	4.534.958.256	(1.616.208.000)	16.992.769.824	-
Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	2.815.208.294	-	737.337.385	(47.006.726)	3.505.538.953	-
Cộng	16.982.050.237	40.598.636	6.114.959.686	(2.501.930.641)	20.672.690.748	38.210.102

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.12 Phải trả khác

a. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Nhận ký quỹ, ký cược	298.004.804	298.004.804
- Công ty TNHH Dịch vụ trông giữ xe 279	205.050.000	205.050.000
- Công ty TNHH Bất động sản Nam Hải	56.954.804	56.954.804
- DNTN Lương Thị Kim Hà	36.000.000	36.000.000
Phải trả khác	5.399.501.381	5.352.309.626
- Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai Mê Kông	5.250.593.436	5.250.593.436
- Công ty TNHH Tư vấn Dịch vụ Thương mại Giáo dục Phương Nam	131.082.575	86.716.190
- Công ty TNHH Sản xuất Xe đạp điện Anpha	15.000.000	15.000.000
- Phải trả khác	2.825.370	-
Cộng	5.697.506.185	5.650.314.430

b. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Nhận ký quỹ, ký cược	300.000.000	300.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Dịch vụ Thương mại Giáo dục Phương Nam	300.000.000	300.000.000
Cộng	300.000.000	300.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.13 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Quỹ khen thưởng	(216.415.922)	(216.415.922)
Quỹ phúc lợi	(813.512.333)	(813.512.333)
Cộng	(1.029.928.255)	(1.029.928.255)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI HỮU NGHỊ
 Địa chỉ: 357 Lê Hồng Phong, phường 2, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.14 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Cộng (VND)
01/01/2020	39.437.100.000	30.000	(57.500.000)	1.374.353.513	(24.206.815.054)	16.547.168.459
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	1.957.880.893	1.957.880.893
31/12/2020	39.437.100.000	30.000	(57.500.000)	1.374.353.513	(22.248.934.161)	18.505.049.352
01/01/2021	39.437.100.000	30.000	(57.500.000)	1.374.353.513	(22.248.934.161)	18.505.049.352
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	1.193.587.886	1.193.587.886
31/12/2021	39.437.100.000	30.000	(57.500.000)	1.374.353.513	(21.055.346.275)	19.698.637.238

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	39.437.100.000	39.437.100.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	39.437.100.000	39.437.100.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.943.710	3.943.710
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	3.943.710	3.943.710
- Cổ phiếu phổ thông	3.943.710	3.943.710
Số lượng cổ phiếu được mua lại	5.920	5.920
- Cổ phiếu phổ thông	5.920	5.920
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.937.790	3.937.790
- Cổ phiếu phổ thông	3.937.790	3.937.790

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.043.017.399	9.419.365.433
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.043.017.399	9.419.365.433
Doanh thu thuần	9.043.017.399	9.419.365.433

6.2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
- Lãi tiền gửi ngân hàng	1.104.629.525	1.115.630.646
Cộng	1.104.629.525	1.115.630.646

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
- Chi phí nhân viên quản lý	1.866.441.754	1.842.259.686
- Chi phí vật liệu quản lý	86.522.193	101.348.461
- Chi phí đồ dùng văn phòng	57.805.870	48.056.862
- Chi phí khấu hao TSCĐ	652.088.232	652.088.232
- Chi phí/hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	44.257.195	(14.231.000)
- Chi phí thuế, phí, lệ phí	4.587.174.402	4.719.630.379
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	455.089.974	647.950.180
- Chi phí bằng tiền khác	428.900.285	510.288.789
Cộng	8.178.279.905	8.507.391.589

6.4. Chi phí khác

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.857.596	2.857.596
- Các khoản bị phạt	691.778.980	67.153.026
- Các chi phí khác	81.142.557	-
Cộng	775.779.133	70.010.622

6.5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Cộng	-	-

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được dự tính như sau:

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.193.587.886	1.957.880.893
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	(1.193.587.886)	(1.957.880.893)
- Điều chỉnh tăng	974.836.965	290.220.435
+ <i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ và các khoản phạt</i>	974.836.965	290.220.435
- Điều chỉnh giảm	(2.168.424.851)	(2.248.101.328)
+ <i>Chuyển lỗ từ các năm trước</i>	(2.168.424.851)	(2.248.101.328)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	144.328.063	149.405.323
- Chi phí nhân công	1.866.441.754	1.842.259.686
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	654.945.828	654.945.828
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	455.089.974	647.950.180
- Chi phí khác	5.016.074.687	5.229.919.168
Cộng	8.136.880.306	8.524.480.185

6.7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.193.587.886	1.957.880.893
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.193.587.886	1.957.880.893
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.937.790	3.937.790
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	303	497
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	303	497

Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc năm tài chính.

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, các giao dịch không bằng tiền như sau:

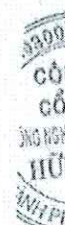
	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Lãi tiền gửi chưa thu	387.488.494	684.467.262

8 THÔNG TIN KHÁC

8.1. Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và các thông tin tài chính khác: không có

8.2. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ tài chính

Trong năm tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty nhận được Thông báo số 7264/TT-CCBTBH ngày 21/05/2021 của Chi cục thuế Quận Bình Thạnh về tiền thuế đất phải nộp từ năm 2015 đến 2020 và Thông báo số 2919/TB-07-CCT ngày 22/01/2022 của Chi cục thuế Quận Bình Thạnh về tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp liên quan đến tiền thuế đất phải nộp từ năm 2015 đến 2020 của phần diện tích 3.202 m² thuộc thửa đất số 279 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh với số tiền lần lượt là 14.074.019.568 đồng và 690.330.659 đồng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh trong năm cần được trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

8.3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hiện nay tình hình COVID-19 tiếp tục có những diễn biến khó lường và có những sự không chắc chắn. Trên thế giới, dịch bệnh vẫn đang có những diễn biến xấu và chưa được kiểm soát. Sự không chắc chắn này đặt ra các câu hỏi về sự suy giảm giá trị của một số tài sản nhất định và gây ảnh hưởng tiêu cực tới tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Công ty. Do tình hình diễn biến phức tạp nên sự ảnh hưởng của dịch bệnh vẫn chưa được đánh giá đầy đủ. Tuy nhiên rất có thể đại dịch COVID - 19 sẽ tiếp tục ảnh hưởng đáng kể tới doanh thu và kết quả hoạt động trong giai đoạn tiếp theo của Công ty, mức độ cụ thể phụ thuộc vào thời gian kéo dài của dịch bệnh và tình hình kiểm soát của Chính phủ. Khoản này đã được Công ty điều chỉnh hồi tố theo các hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 - Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng, không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

8.4. Thông tin về các bên có liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Lương và thưởng Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	384.827.406	478.049.608
- Ông Võ Hồng Phong - Tổng Giám đốc	171.054.000	171.746.000
- Ông Vũ Cương Quyết - Phó Tổng Giám đốc [miễn nhiệm ngày 30/06/2021]	82.778.000	151.478.000
- Bà Nguyễn Thị Kim Thanh - Kế toán trưởng [miễn nhiệm chức danh Trưởng ban kiểm soát ngày 20/05/2021 và bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng ngày 21/05/2021]	130.995.406	128.275.108
- Ông Trần Hiền Phúc - Kế toán trưởng [miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng ngày 25/02/2020]	-	26.550.500

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Thù lao và thưởng Hội đồng Quản trị	113.950.000	125.520.000
- Ông Lê Tấn Dương - Chủ tịch HĐQT	40.200.000	36.960.000
- Ông Võ Hồng Phong - Thành viên HĐQT	26.150.000	24.240.000
- Ông Vũ Cương Quyết - Thành viên HĐQT [miễn nhiệm ngày 30/06/2021]	12.950.000	24.240.000
- Ông Đỗ Trọng Toàn - Thành viên HĐQT [miễn nhiệm ngày 30/06/2021]	12.950.000	24.240.000
- Bà Lương Thị Ánh Nguyệt - Thành viên [miễn nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát và bổ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng Quản trị từ ngày 30/06/2021]	21.700.000	15.840.000
Thù lao và thưởng Ban kiểm soát	37.900.000	15.840.000
- Ông Huỳnh Văn Quang Trung - Trưởng ban [miễn nhiệm chức danh thành viên và bổ nhiệm chức danh Trưởng ban từ ngày 30/06/2021]	19.900.000	15.840.000
- Bà Hoàng Thị Bích Châu - Thành viên [bổ nhiệm ngày 30/06/2021]	9.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Thu - Thành viên [bổ nhiệm ngày 30/06/2021]	9.000.000	-
Cộng	536.677.406	619.409.608

Nghị vụ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Trong năm tài chính không có phát sinh các nghị vụ của Công ty với các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Vào ngày kết thúc năm tài chính, không có số dư các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

Các bên liên quan

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan
 Công ty Liên doanh Vikotrade

Mối quan hệ
 Công ty liên doanh

Nghị vụ với các bên liên quan

Trong năm tài chính không có phát sinh các nghị vụ của Công ty với các bên liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Số dư với các bên liên quan

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Công ty Liên doanh Vikotrade		
+ Phải thu khác	204.843.252	204.843.252
Cộng nợ phải thu	204.843.252	204.843.252

8.5. Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

(Xem tiếp trang sau)

007
CÔNG
CỔ PHẦN
HỮU NGHỊ
VPH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập Bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số liền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm (VND)	Từ 1 năm trở lên (VND)	Tổng cộng (VND)
31/12/2021			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.086.020.056	-	3.086.020.056
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23.500.000.000	-	23.500.000.000
Phải thu khách hàng	1.784.825.700	-	1.784.825.700
Các khoản phải thu khác	8.614.947.661	-	8.614.947.661
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(4.040.499.404)	-	(4.040.499.404)
Tổng cộng	32.945.294.013	-	32.945.294.013
31/12/2021			
Phải trả khác	5.697.506.185	300.000.000	5.997.506.185
Tổng cộng	5.697.506.185	300.000.000	5.997.506.185
Chênh lệch thanh khoản thuần	27.247.787.828	(300.000.000)	26.947.787.828
01/01/2021			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.337.282.531	-	1.337.282.531
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	18.100.000.000	-	18.100.000.000
Phải thu khách hàng	3.127.722.411	-	3.127.722.411
Các khoản phải thu khác	8.903.936.229	-	8.903.936.229
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.996.242.209)	-	(3.996.242.209)
Tổng cộng	27.472.698.962	-	27.472.698.962
01/01/2021			
Phải trả khác	5.650.314.430	300.000.000	5.950.314.430
Tổng cộng	5.650.314.430	300.000.000	5.950.314.430
Chênh lệch thanh khoản thuần	21.822.384.532	(300.000.000)	21.522.384.532

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng

	Giá trị kế toán		Giá trị hợp lý	
	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.086.020.056	1.337.282.531	3.086.020.056	1.337.282.531
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23.500.000.000	18.100.000.000	23.500.000.000	18.100.000.000
Phải thu khách hàng	1.784.825.700	3.127.722.411	794.015	1.343.690.726
Các khoản phải thu khác	8.614.947.661	8.903.936.229	6.358.479.942	6.691.725.705
Tổng cộng	36.985.793.417	31.468.941.171	32.945.294.013	27.472.698.962
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả khác	5.997.506.185	5.950.314.430	5.997.506.185	5.950.314.430
Tổng cộng	5.997.506.185	5.950.314.430	5.997.506.185	5.950.314.430

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2021 và ngày 01/01/2021. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

8.6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty kiểm toán khác kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 căn cứ các Thông báo số 7264/TT-CCTBTH ngày 21/05/2021 của Chi cục thuế Quận Bình Thạnh về tiền thuế đất phải nộp từ năm 2015 đến 2020 của phần diện tích 3.202 m² thuộc thửa đất số 279 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được điều chỉnh cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu trên BCTC năm trước	Số liệu điều chỉnh	Chênh lệch
a/ Bảng cân đối kế toán				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.888.030.669	16.962.050.237	14.074.019.568
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(8.174.914.593)	(22.248.934.161)	(14.074.019.568)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(12.852.984.142)	(24.206.815.054)	(11.353.830.912)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b	4.678.069.549	1.957.880.893	(2.720.188.656)
b/ Báo cáo kết quả kinh doanh				
Chi phí quản lý doanh nghiệp	32	5.787.202.933	8.507.391.589	2.720.188.656
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	4.747.793.146	2.027.604.490	(2.720.188.656)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	4.678.069.549	1.957.880.893	(2.720.188.656)
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế	60	4.678.069.549	1.957.880.893	(2.720.188.656)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.188	303	(885)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.188	303	(885)

8.7. Tính hoạt động liên tục của Công ty

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

338
 TY
 N
 'NGM
 II
 HI M&P



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

8.8. Thông tin về bộ phận

a. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là hoạt động cho hợp tác khai thác mặt bằng. Công ty không tiến hành lập báo cáo tài chính bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

b. Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hiện nay chủ yếu hoạt động tại Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận"

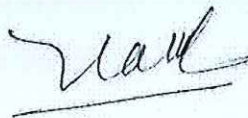
Ngày 29 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Kim Thanh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Kim Thanh

TỔNG GIÁM ĐỐC



Võ Hồng Phong



XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY,



TỔNG GIÁM ĐỐC
Võ Hồng Phong



